Phụ lục 02-biểu số: 05

SỐ BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ THUỘC TỈNH NĂM 2010

(Kèm theo Nghị quyết số: 21/2009/NQ-HĐND ngày 12/12/2009 của HĐND tỉnh Thái Nguyên)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	Nguồn tự đảm bảo cải cách TL từ vượt thu 2009	Tổng số bổ sung từ NS tỉnh	Trong đó		Tổng chi ngân sách huyện TP, TX	Trong đó		
						Bổ sung cân đối	Bổ sung có mục tiêu		Chi XD CS HT từ nguồn thu tiền SDĐ	Chi SN GD - ĐT	Dự phòng
A	B	1	2	3	4 = 5 + 6	5	6	7 = 2+ 3+ 4	8	9	10
	Tổng số	**572 390**	**558 890**	**23 536**	**935 805**	**518 115**	**417 690**	**1 518 231**	**141 000**	**815 237**	**29 789**
1	Thành phố Thái Nguyên	330 230	286 960	11 177	**93 247**	52 138	41 109	**391 384**	80 000	162 546	7 702
2	Thị xã Sông Công	48 280	48 280		**43 967**	22 768	21 199	**92 247**	13 000	34 854	1 808
3	Huyện Định Hóa	13 400	13 400	352	**137 587**	74 737	62 850	**151 339**	3 000	99 362	2 966
4	Huyện Đại Từ	42 870	44 970	2 789	**159 611**	87 134	72 477	**207 370**	15 000	123 257	4 064
5	Huyện Phú Lương	22 420	29 750	2 791	**92 043**	49 538	42 505	**124 584**	6 000	72 577	2 442
6	Huyện Phú Bình	12 120	12 120	602	**110 561**	62 310	48 251	**123 283**	4 000	72 814	2 416
7	Huyện Phổ Yên	56 950	56 970	4 609	**96 741**	56 734	40 007	**158 320**	13 000	91 370	3 105
8	Huyện Võ Nhai	12 270	12 500	528	**105 538**	58 506	47 032	**118 566**	3 000	77 838	2 324
9	Huyện Đồng Hỷ	33 850	53 940	688	**96 510**	54 250	42 260	**151 138**	4 000	80 619	2 962

Ghi chú: Số bổ sung tăng lương tối thiểu theo 650.000đ là tạm tính, trong năm các đơn vị có báo cáo thẩm định, điều chỉnh sau. Số chi trên chưa bao gồm chuyển nguồn năm trước sang.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

WWW.BAOTHAINGUYEN.ORG.VN